Số: 2358/QĐ-UBND; 03/7/2025; 14:2:35

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH 01: BIỂU TỔNG HỢP

ĐIỀU CHỈNH HỖ TRỢ XÂY MỚI, SỬA CHỮA NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA THEO THÔNG TƯ SỐ 01/2022/TT-BXD CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 2358 /QĐ-UBND ngày 03 / 7 /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ được hỗ trợ theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh					Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lần này					Số hộ được hỗ trợ theo đề xuất của UBND các huyện tại các Quyết định phê duyệt của UBND các huyện					Ghi chú (Quyết định phê duyệt mới của UBND huyện)
		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở	
(1)	(2)	(3) = (4) + (5) = (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9) + (10) = (11)+(12)	(9) = (14) - (4)	(10) = (15) - (5)	(11) = (16) - (6)	(12)= (17) - (7)	(13) = (14) + (15) = (16)+(17)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	**Huyện Thường Xuân**	**779**	**503**	**276**	**539**	**240**	**-37**	**-28**	**-9**	**-25**	**-12**	**742**	**475**	**267**	**514**	**228**	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Thường Xuân
1	Thị trấn Thường Xuân	**49**	17	32	20	29	**0**	0	0	0	0	**49**	17	32	20	29	
2	Xã Bát Mọt	**48**	44	4	40	8	**-3**	-3	0	-3	0	**45**	41	4	37	8	
3	Xã Yên Nhân	**63**	58	5	36	27	**0**	0	0	0	0	**63**	58	5	36	27	
4	Xã Ngọc Phụng	**37**	10	27	22	15	**-2**	0	-2	-1	-1	**35**	10	25	21	14	
5	Xã Vạn Xuân	**66**	37	29	41	25	**-9**	-4	-5	-6	-3	**57**	33	24	35	22	
6	Xã Xuân Lẹ	**26**	20	6	21	5	**0**	0	0	0	0	**26**	20	6	21	5	
7	Xã Xuân Chinh	**23**	21	2	20	3	**0**	0	0	0	0	**23**	21	2	20	3	
8	Xã Xuân Lộc	**27**	26	1	24	3	**0**	0	0	0	0	**27**	26	1	24	3	
9	Xã Xuân Thắng	**49**	45	4	41	8	**-10**	-10	0	-6	-4	**39**	35	4	35	4	
10	Xã Tân Thành	**78**	48	30	58	20	**-7**	-6	-1	-5	-2	**71**	42	29	53	18	
11	Xã Luận Khê	**116**	94	22	89	27	**-3**	-3	0	-3	0	**113**	91	22	86	27	
12	Xã Luận Thành	**56**	22	34	26	30	**0**	0	0	0	0	**56**	22	34	26	30	
13	Xã Xuân Cao	**42**	18	24	25	17	**0**	0	0	0	0	**42**	18	24	25	17	
14	Xã Thọ Thanh	**28**	12	16	15	13	**-1**	-1	0	0	-1	**27**	11	16	15	12	
15	Xã Xuân Dương	**50**	17	33	40	10	**-2**	-1	-1	-1	-1	**48**	16	32	39	9	
16	Xã Lương Sơn	**21**	14	7	21	0	**0**	0	0	0	0	**21**	14	7	21	0	
II	**Huyện Lang Chánh**	**1,555**	**846**	**709**	**784**	**771**	**-14**	**-7**	**-7**	**-5**	**-9**	**1,541**	**839**	**702**	**779**	**762**	Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND huyện Lang Chánh
1	Thị Trấn Lang Chánh	**138**	70	68	103	35	**0**	0	0	0	0	**138**	70	68	103	35	
2	Xã Giao Thiện	**262**	148	114	146	116	**-6**	-3	-3	-2	-4	**256**	145	111	144	112	
3	Xã Giao An	**96**	44	52	38	58	**-2**	-1	-1	0	-2	**94**	43	51	38	56	
4	Xã Đồng Lương	**92**	65	27	81	11	**0**	0	0	0	0	**92**	65	27	81	11	
5	Xã Tân Phúc	**117**	56	61	101	16	**0**	0	0	0	0	**117**	56	61	101	16	

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ được hỗ trợ theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh					Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lần này					Số hộ được hỗ trợ theo đề xuất của UBND các huyện tại các Quyết định phê duyệt của UBND các huyện					Ghi chú (Quyết định phê duyệt mới của UBND huyện)
		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở	
(1)	(2)	(3) = (4) + (5) = (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9) + (10) = (11)+(12)	(9) = (14) - (4)	(10) = (15) - (5)	(11) = (16) - (6)	(12)= (17) - (7)	(13) = (14) + (15) = (16)+(17)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Xã Yên Khương	**336**	172	164	38	298	**-2**	-1	-1	-1	-1	**334**	171	163	37	297	
7	Xã Trí Nang	**62**	39	23	49	13	**-2**	-2	0	-1	-1	**60**	37	23	48	12	
8	Xã Tam Văn	**172**	76	96	89	83	**-2**	0	-2	-1	-1	**170**	76	94	88	82	
9	Xã Lâm Phú	**128**	76	52	75	53	**0**	0	0	0	0	**128**	76	52	75	53	
10	Xã Yên Thắng	**152**	100	52	64	88	**0**	0	-	-	-	**152**	100	52	64	88	
III	**Huyện Bá Thước**	**2,727**	**1,681**	**1,046**	**1,712**	**1,015**	**- 29**	**-20**	**- 9**	**- 22**	**- 7**	**2,698**	**1,661**	**1,037**	**1,690**	**1,008**	Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Bá Thước
1	Xã Kỳ Tân	**125**	80	45	99	26	**-1**	-1	-	- 1	-	**124**	79	45	98	26	
2	Xã Văn Nho	**262**	173	89	232	30	**-6**	-4	-2	-5	-1	**256**	169	87	227	29	
3	Xã Thiết Ống	**138**	117	21	122	16	**-1**	-1	0	-1	0	**137**	116	21	121	16	
4	Xã Thiết Kế	**132**	75	57	110	22	**-1**	-1	0	-1	0	**131**	74	57	109	22	
5	Xã Ban Công	**81**	36	45	66	15	**0**	0	0	0	0	**81**	36	45	66	15	
6	Xã Thành Lâm	**90**	51	39	61	29	**0**	0	-	-	-	**90**	51	39	61	29	
7	Xã Thành Sơn	**107**	54	53	63	44	**-1**	-1	-	- 1	-	**106**	53	53	62	44	
8	Xã Lũng Niêm	**167**	69	98	101	66	**-7**	-3	- 4	- 4	- 3	**160**	66	94	97	63	
9	Xã Cổ Lũng	**244**	166	78	129	115	**0**	0	-	-	-	**244**	166	78	129	115	
10	Xã Lũng Cao	**118**	75	43	83	35	**-8**	-5	- 3	- 6	- 2	**110**	70	40	77	33	
11	Xã Hạ Trung	**146**	109	37	95	51	**0**	0	-	-	-	**146**	109	37	95	51	
12	Xã Ái Thượng	**50**	35	15	37	13	**0**	0	0	0	0	**50**	35	15	37	13	
13	Thị trấn Cành Nàng	**92**	57	35	56	36	**0**	0	0	0	0	**92**	57	35	56	36	
14	Xã Điền Lư	**21**	16	5	18	3	**0**	0	0	0	0	**21**	16	5	18	3	
15	Xã Điền Quang	**323**	182	141	159	164	**-1**	-1	-	-	- 1	**322**	181	141	159	163	
16	Xã Điền Hạ	**191**	111	80	69	122	**0**	0	0	0	0	**191**	111	80	69	122	
17	Xã Điền Thượng	**184**	98	86	77	107	**0**	0	0	0	0	**184**	98	86	77	107	
18	Xã Điền Trung	**89**	49	40	30	59	**-1**	-1	0	-1	0	**88**	48	40	29	59	
19	Xã Lương Ngoại	**41**	29	12	25	16	**0**	0	0	0	0	**41**	29	12	25	16	
20	Xã Lương Trung	**44**	29	15	23	21	**-1**	-1	0	-1	0	**43**	28	15	22	21	
21	Xã Lương Nội	**82**	70	12	57	25	**-1**	-1	0	-1	0	**81**	69	12	56	25	
IV	**Huyện Quan Sơn**	**1,688**	**1,141**	**547**	**844**	**844**	**- 17**	**- 9**	**- 8**	**- 12**	**- 5**	**1,671**	**1,132**	**539**	**832**	**839**	Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày
1	Xã Na Mèo	**155**	112	43	73	82	**-1**	- 2	1	- 1	-	**154**	110	44	72	82	

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ được hỗ trợ theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh					Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lần này					Số hộ được hỗ trợ theo đề xuất của UBND các huyện tại các Quyết định phê duyệt của UBND các huyện					Ghi chú (Quyết định phê duyệt mới của UBND huyện)
		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở	
(1)	(2)	(3) = (4) + (5) = (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9) + (10) = (11)+(12)	(9) = (14) - (4)	(10) = (15) - (5)	(11) = (16) - (6)	(12)= (17) - (7)	(13) = (14) + (15) = (16)+(17)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Xã Sơn Thủy	**116**	101	15	88	28	**0**	0	-	-	-	**116**	101	15	88	28	25/6/2025 của UBND huyện Quan Sơn
3	Xã Mường Mìn	**125**	76	49	32	93	**0**	-	-	-	-	**125**	76	49	32	93	
4	Xã Sơn Điện	**183**	125	58	79	104	**-1**	-1	-	- 3	2	**182**	124	58	76	106	
5	Xã Tam Thanh	**162**	118	44	50	112	**-1**	0	- 1	- 1	-	**161**	118	43	49	112	
6	Xã Tam Lư	**104**	73	31	43	61	**0**	0	-	-	-	**104**	73	31	43	61	
7	Thị trấn Sơn Lư	**214**	133	81	71	143	**-4**	-3	- 1	-1	-3	**210**	130	80	70	140	
8	Xã Sơn Hà	**85**	42	43	24	61	**-2**	-1	- 1	0	-2	**83**	41	42	24	59	
9	Xã Trung Thượng	**84**	60	24	59	25	**-6**	-1	- 5	-4	-2	**78**	59	19	55	23	
10	Xã Trung Tiến	**101**	81	20	76	25	**0**	0	-	0	0	**101**	81	20	76	25	
11	Xã Trung Hạ	**214**	145	69	164	50	**0**	1	- 1	-1	1	**214**	146	68	163	51	
12	Xã Trung Xuân	**145**	75	70	85	60	**-2**	-2	0	-1	-1	**143**	73	70	84	59	
V	**Huyện Quan Hóa**	**859**	**555**	**304**	**527**	**332**	**- 25**	- 10	**- 15**	**- 20**	**- 5**	**834**	**545**	**289**	**507**	**327**	Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện Quan Hóa
1	Xã Phú Nghiêm	**4**	4	0	4	0	**0**	0	0	0	0	**4**	4	0	4	0	
2	Thị trấn Hồi Xuân	**44**	26	18	25	19	**0**	0	0	0	0	**44**	26	18	25	19	
3	Xã Phú Xuân	**99**	59	40	29	70	**0**	0	0	0	0	**99**	59	40	29	70	
4	Xã Phú Lệ	**22**	9	13	21	1	**0**	0	0	0	0	**22**	9	13	21	1	
5	Xã Phú Sơn	**58**	43	15	35	23	**0**	0	0	0	0	**58**	43	15	35	23	
6	Xã Phú Thanh	**63**	27	36	33	30	**0**	0	0	0	0	**63**	27	36	33	30	
7	Xã Thành Sơn	**55**	47	8	38	17	**0**	0	0	0	0	**55**	47	8	38	17	
8	Xã Trung Thành	**39**	31	8	15	24	**0**	0	0	0	0	**39**	31	8	15	24	
9	Xã Trung Sơn	**30**	26	4	23	7	**0**	0	0	0	0	**30**	26	4	23	7	
10	Xã Nam Xuân	**19**	11	8	11	8	**0**	0	0	0	0	**19**	11	8	11	8	
11	Xã Nam Tiến	**97**	54	43	66	31	**-3**	2	-5	-3	0	**94**	56	38	63	31	
12	Xã Nam Động	**49**	35	14	27	22	**0**	0	0	0	0	**49**	35	14	27	22	
13	Xã Thiên Phủ	**100**	53	47	70	30	**0**	0	0	-1	1	**100**	53	47	69	31	
14	Xã Hiền Chung	**17**	16	1	16	1	**0**	0	0	0	0	**17**	16	1	16	1	
15	Xã Hiền Kiệt	**163**	114	49	114	49	**-22**	-12	-10	-16	-6	**141**	102	39	98	43	
VI	**Huyện Mường Lát**	**1,318**	**1,047**	**271**	**589**	**729**	**-**	**-**	**-**	**0**	**0**	**1,318**	**1,047**	**271**	**589**	**729**	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày
1	Xã Mường Chanh	**19**	4	15	12	7	**0**	0	0	0	0	**19**	4	15	12	7	

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ được hỗ trợ theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh					Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lần này					Số hộ được hỗ trợ theo đề xuất của UBND các huyện tại các Quyết định phê duyệt của UBND các huyện					Ghi chú (Quyết định phê duyệt mới của UBND huyện)
		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		Tổng số hộ được hỗ trợ (hộ)	Theo loại đối tượng		Đề xuất theo nội dung hỗ trợ		
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới nhà ở	Sửa chữa nhà ở	
(1)	(2)	(3) = (4) + (5) = (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9) + (10) = (11)+(12)	(9) = (14) - (4)	(10) = (15) - (5)	(11) = (16) - (6)	(12)= (17) - (7)	(13) = (14) + (15) = (16)+(17)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Xã Quang Chiểu	**105**	78	27	66	39	**0**	-	0	0	0	**105**	78	27	66	39	17/3/2025 của UBND huyện Mường Lát
3	Thị trấn Mường Lát	**369**	245	124	66	303	**0**	0	0	0	0	**369**	245	124	66	303	
4	Xã Tam Chung	**104**	91	13	45	59	**0**	0	0	0	0	**104**	91	13	45	59	
5	Xã Pù Nhi	**157**	131	26	90	67	**0**	0	0	0	0	**157**	131	26	90	67	
6	Xã Nhi Sơn	**63**	56	7	38	25	**0**	0	0	0	0	**63**	56	7	38	25	
7	Xã Trung Lý	**340**	297	43	181	159	**0**	0	0	0	0	**340**	297	43	181	159	
8	Xã Mường Lý	**161**	145	16	91	70	**0**	0	0	0	0	**161**	145	16	91	70	
Tổng số 06 huyện		**8,926**	**5,773**	**3,153**	**4,995**	**3,931**	**- 122**	**- 74**	**- 48**	**- 84**	**- 38**	**8,804**	**5,699**	**3,105**	**4,911**	**3,893**	